

CHÍNH PHỦ

Số: 04/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động và sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Các ưu đãi, hỗ trợ không quy định trong Nghị định này thực hiện theo các quy định của pháp luật khác liên quan.

3. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; hoạt động bảo vệ môi trường được thực hiện bằng nguồn kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; cơ quan quản lý nhà nước các lĩnh vực liên quan đến ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư mới; dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực kinh doanh, đổi mới công nghệ trong việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường; dự án đầu tư nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường và cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời (sau đây gọi chung là Dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường).

3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xử lý chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật làm giảm, loại bỏ, tiêu hủy các thành phần có hại hoặc không có ích trong chất thải; thu hồi, tái chế, tái sử dụng lại các thành phần có ích trong chất thải.

2. Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo là việc sản xuất năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt.

3. Sản phẩm thân thiện với môi trường là sản phẩm mà trong quá trình khai thác nguyên liệu, sản xuất, tồn tại, sử dụng và sau khi thải bỏ gây hại ít hơn cho môi trường so với sản phẩm cùng loại và được cấp nhãn sinh thái của tổ chức được Nhà nước công nhận.

4. Sản phẩm thay thế nguyên liệu tự nhiên có lợi cho môi trường là sản phẩm do con người tạo ra có khả năng thay thế cho các nguyên liệu tự nhiên mà trong quá trình tồn tại, sử dụng hoặc sau khi thải bỏ gây hại ít hơn cho môi trường so với sản phẩm được thay thế.

5. Công nghệ thân thiện với môi trường là công nghệ được áp dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu và tiêu dùng mà trong quá trình hoạt động, sử dụng gây hại ít hơn cho môi trường so với công nghệ tương tự và sản phẩm được tạo ra từ công nghệ đó là sản phẩm thân thiện với môi trường.

6. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời là cơ sở thuộc Danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Cơ sở xử lý chất thải là cơ sở vật chất bao gồm đất đai, nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị và các công trình phụ trợ sử dụng cho hoạt động xử lý chất thải được bố trí phân tán tại các vị trí thích hợp.

8. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung là tổ hợp của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt liên hoàn và các hạng mục công trình phụ trợ được bố trí tập trung tại một địa điểm theo quy hoạch.

9. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung là tổ hợp của một hoặc nhiều hạng mục công trình xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế đạt từ 2.500 m³ nước thải sinh hoạt trở lên trong một ngày đêm hoặc xử lý nước thải cho 5.000 hộ gia đình trở lên đối với khu vực đô thị hoặc có quy mô xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho một điểm dân cư đối với khu vực nông thôn.

10. Hệ thống kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp làng nghề bao gồm khu thu gom, xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường là doanh nghiệp, hợp tác xã, thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại phần A và phần B của Danh mục hoạt động, sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng cho các hoạt động đó theo quy định của Nghị định này.

2. Ưu tiên thu hút hoạt động khắc phục ô nhiễm môi trường, tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải gây ô nhiễm môi trường.

3. Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách bảo vệ môi trường từng thời kỳ.

Điều 5. Hoạt động bảo vệ môi trường và sản phẩm được ưu đãi, hỗ trợ

1. Các hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

a) Các hoạt động bảo vệ môi trường và các sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định trong Danh mục hoạt động, sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định này (sau đây gọi chung là Danh mục);

b) Di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ tình hình thực tế trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh Danh mục sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Điều kiện, phạm vi và mức độ ưu đãi, hỗ trợ

1. Điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ:

a) Chỉ hoạt động bảo vệ môi trường, sản phẩm quy định tại Danh mục và hoạt động di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định này;

b) Hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Danh mục và hoạt động di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định này khi thực hiện dưới hình thức dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu được nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện các dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Danh mục mới được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu quy định tại Nghị định này.

2. Phạm vi và mức độ ưu đãi, hỗ trợ:

a) Hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ và hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ;

b) Hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại phần A Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại phần B Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại phần C Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Kê khai không trung thực để được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ.

2. Sử dụng các ưu đãi, hỗ trợ không đúng mục đích.

3. Những nhiễu, cản trở, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong việc hưởng các ưu đãi, hỗ trợ.

4. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để cho các đối tượng hưởng ưu đãi, hỗ trợ không đúng quy định.

Chương II CÁC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

Mục 1 ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ ĐẤT ĐAI

Điều 8. Hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1, 2 mục I phần A của Danh mục được hưởng hỗ trợ về đầu tư các công trình hạ tầng như sau:

a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, điện, cấp thoát nước) ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực;

b) Trong trường hợp nhà nước chưa cân đối kịp vốn hỗ trợ các công trình, hạng mục công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo tiến độ của dự án thì chủ đầu tư được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư nhằm đưa dự án vào hoạt động đúng tiến độ. Số vốn này sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các khoản khác mà chủ đầu tư phải nộp ngân sách theo quy định.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường

Chủ đầu tư xây dựng công trình bảo vệ môi trường quy định tại mục I phần A và mục I phần B của Danh mục được hỗ trợ về giải phóng mặt bằng như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt có trách nhiệm bố trí quỹ đất đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cho dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Trường hợp diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ bảo vệ môi trường đang có người sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất của người đang sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai để giao lại cho chủ đầu tư.

Điều 10. Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục I phần A của Danh mục được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

2. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục I phần B của Danh mục được giảm 50% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và được chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng thời gian chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tối đa không quá 5 năm, kể từ ngày được giao đất.

Điều 11. Ưu đãi tài chính về đất đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời

1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời nếu được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác mà tiền sử dụng đất đã nộp cho Nhà nước hoặc tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được ưu đãi như sau:

a) Được bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh;

Diện tích đất được giao mới bằng diện tích đất nơi có cơ sở sản xuất cũ phải di dời. Trường hợp do nhu cầu phát triển sản xuất mà cần diện tích đất lớn hơn so với diện tích nơi có cơ sở sản xuất cũ thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập dự án đầu tư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Nhà nước thu hồi diện tích đất nơi có cơ sở sản xuất cũ phải di dời để ưu tiên sử dụng vào mục đích công cộng hoặc được bán đấu giá để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội;

c) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời là doanh nghiệp nhà nước được sử dụng tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (sau khi đã trừ các khoản chi phí tổ chức bán đấu giá) và được ghi vào vốn ngân sách nhà nước cấp để trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đổi mới và nâng cấp công nghệ tại cơ sở sản xuất mới. Trường hợp đất tại cơ sở sản xuất cũ được thu hồi và sử dụng vào mục đích công cộng thì doanh nghiệp được Nhà nước cấp vốn để trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, để cải tiến, đổi mới, nâng cấp công nghệ tại cơ sở sản xuất mới tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất của khu đất đó tính theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi.

2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời nếu được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác mà tiền sử dụng đất đã nộp cho Nhà nước hoặc tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được giải quyết như sau:

a) Được Nhà nước ưu tiên bố trí mặt bằng sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh nhưng phải trả tiền sử dụng đất theo suất đầu tư hạ tầng kỹ thuật;

Trường hợp địa phương không bố trí được mặt bằng sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác thì doanh nghiệp, hợp tác xã được lựa chọn địa điểm mới phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và được Nhà nước hỗ trợ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng) hoặc được giảm 50% tiền sử dụng đất (đối với đất nhà nước chưa giao, chưa cho thuê ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) hoặc giảm 100% tiền sử dụng đất (đối với đất nhà nước chưa giao, chưa cho thuê ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

Trường hợp do nhu cầu phát triển sản xuất mà cần diện tích đất lớn hơn so với diện tích nơi có cơ sở sản xuất cũ, thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập dự án đầu tư để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất xem xét bố trí; doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chênh lệch đó.

b) Được chuyển mục đích sử dụng đối với diện tích đất nơi cơ sở cũ nhưng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có nhu cầu sử dụng đất thì được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời được Nhà nước cho thuê đất mà tiền thuê đất đã nộp cho Nhà nước không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được giải quyết như sau:

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất đã trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc đã trả tiền thuê đất cho nhiều năm trước ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thì được ưu tiên bố trí thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh; doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả tiền thuê lại đất đối với toàn bộ diện tích đất thuê tại nơi di chuyển đến;

b) Được hoàn trả tiền thuê đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã nộp trước cho Nhà nước.

4. Cơ sở hoạt động vì lợi ích công cộng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất phải di chuyển địa điểm thì đất đai được giải quyết như sau:

a) Được ưu tiên bố trí mặt bằng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến di chuyển đến theo dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nhà nước thu hồi diện tích đất tại vị trí cũ phải di dời để ưu tiên sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc được bán đấu giá để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội;

c) Được sử dụng tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (sau khi đã trừ các khoản chi phí tổ chức bán đấu giá) và được ghi vào vốn ngân sách nhà nước cấp để trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng); đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến chuyển đến. Trường hợp đất tại cơ sở cũ được sử dụng vào mục đích công cộng thì cơ sở được Nhà nước cấp vốn để trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng); đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến di chuyển đến.

Mục 2 **ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ VỀ VỐN, THUẾ, PHÍ**

Điều 12. Ưu đãi về huy động vốn đầu tư

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy định tại khoản 1 mục I phần A của Danh mục áp dụng công nghệ xử lý có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 10% và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy định tại khoản 2 mục I phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ 50% vốn đầu tư xây dựng, trong đó 40% từ ngân sách trung ương và 10% từ ngân sách địa phương; 50% còn lại được vay ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Công trình xây dựng quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 mục I phần A và tại mục I phần B của Danh mục được ưu tiên hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định hiện hành hoặc được ưu tiên vay vốn và xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư theo điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; được đảm bảo nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi bằng thế chấp các tài sản được hình thành từ vốn vay.

3. Vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 9 mục II phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ 30%; 70% còn lại được vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động quy định tại khoản 6, 7, 8 mục II phần A và khoản 5 mục II phần B của Danh mục được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.

5. Chương trình, dự án đầu tư thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường được quy định trong Danh mục, nếu là dự án trọng điểm của Nhà nước được ưu tiên xem xét sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

6. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc hỗ trợ vốn đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho vay vốn và thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với các dự án vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 13. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại mục II phần A và mục II phần B của Danh mục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 14. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu nhập khẩu quy định tại khoản 10 mục II phần A của Danh mục được miễn thuế nhập khẩu.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ.

2. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải, công nghệ, tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ quy định tại khoản 11 mục II phần A của Danh mục được ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Sản phẩm quy định tại phần C của Danh mục nếu xuất khẩu thì được miễn thuế xuất khẩu.

Điều 15. Ưu đãi thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp, hợp tác xã được hưởng ưu đãi về thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Điều 16. Ưu đãi về phí

Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện dự án hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5 mục II phần A và được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục II phần B của Danh mục được miễn phí bảo vệ môi trường.

Điều 17. Khấu hao tài sản cố định

1. Tài sản cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 9 mục II phần A của Danh mục được khấu hao nhanh gấp 2 lần mức khấu hao theo chế độ hiện hành.

2. Tài sản cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục II phần B của Danh mục được khấu hao nhanh gấp 1,5 lần mức khấu hao theo chế độ hiện hành.

Mục 3

TRỢ GIÁ VÀ HỖ TRỢ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Điều 18. Hỗ trợ chi phí đầu vào

1. Dự án hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 mục II phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ:

- a) 50% chi phí vận chuyển chất thải từ nguồn phát thải đến cơ sở xử lý chất thải;
- b) 50% giá điện phục vụ trực tiếp sản xuất.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục, cơ chế thực hiện hỗ trợ chi phí đầu vào quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Hỗ trợ tiêu thụ và hỗ trợ về giá đối với sản phẩm

1. Nhà nước khuyến khích cơ quan nhà nước sử dụng sản phẩm quy định tại khoản 1 và khoản 2 phần C của Danh mục nếu đạt tiêu chuẩn và thuộc diện mua sắm của cơ quan nhà nước.

2. Sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2, 3, 4 phần C của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ về giá theo nguyên tắc sau:

- a) Bảo đảm thu đủ bù chi cộng lãi suất hợp lý;
- b) Thời gian trợ giá đối với sản phẩm được xác định căn cứ vào thời điểm dự án có sản phẩm và khả năng bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm được trợ giá.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ giá được lấy từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể về điều kiện trợ giá, mức trợ giá và thời gian trợ giá đối với sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4 CÁC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ KHÁC

Điều 20. Giải thưởng về bảo vệ môi trường

1. Hai năm một lần, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức bình chọn, trao giải thưởng và tôn vinh tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể cơ cấu giải thưởng, tiêu chuẩn và thủ tục xét tặng các giải thưởng; phối hợp với Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi cho giải thưởng về bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí cho việc tổ chức và trao giải thưởng được chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và tài trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 21. Hỗ trợ quảng bá sản phẩm, phân loại rác tại nguồn

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

a) Quảng bá sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng các bộ phim khoa học về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường;

c) Cung cấp miễn phí các dụng cụ cho người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.

2. Chi phí thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được hạch toán vào chi phí sản xuất của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III

THỦ TỤC THỰC HIỆN ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ, THU HỒI ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

Điều 22. Thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ

1. Đối với dự án đầu tư thuộc diện không phải đăng ký đầu tư và dự án thuộc diện đăng ký đầu tư quy định tại Điều 45 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư căn cứ vào ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan tự xác định hình thức và mức độ ưu đãi, hỗ trợ để làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi, hỗ trợ thì làm thủ tục đăng ký ưu đãi, hỗ trợ để cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi, hỗ trợ vào Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra đầu tư quy định tại Điều 47 của Luật Đầu tư đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định này, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi, hỗ trợ vào Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định này, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 23. Thu hồi ưu đãi, hỗ trợ

1. Ưu đãi, hỗ trợ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã khai báo không trung thực để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ nào thì bị thu hồi ưu đãi, hỗ trợ đó; nếu khai báo không trung thực để được hưởng toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ thì bị thu hồi toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng ưu đãi, hỗ trợ không đúng mục đích đối với hình thức ưu đãi, hỗ trợ nào thì bị thu hồi ưu đãi, hỗ trợ đối với hình thức đó; nếu sử dụng toàn bộ ưu đãi, hỗ trợ sai mục đích thì bị thu hồi toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng đất được ưu đãi, hỗ trợ không đúng mục đích thì bị thu hồi toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ.

2. Ngoài việc bị thu hồi các ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp ngân sách nhà nước các khoản sau đây:

a) Khoản lãi đối với số vốn đã hỗ trợ bị thu hồi tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại thời điểm bị thu hồi;

b) Tiền thuê đất tính theo diện tích đất bị thu hồi, thời gian sử dụng và giá thuê đất tại thời điểm bị thu hồi.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra và quyết định thu hồi ưu đãi, hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan hướng dẫn việc thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị định này; kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ môi trường trình Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định này.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện theo thẩm quyền chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định này; chỉ đạo triển khai thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này, bảo đảm việc thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng mức độ ưu đãi.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ

1. Thực hiện đúng dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Nghị định này.

2. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12 báo cáo kết quả hoạt động cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để phối hợp quản lý, thanh tra và kiểm tra theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin báo cáo.

3. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Mẫu báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại phần A, phần B và các sản phẩm quy định tại phần C của Danh mục đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Nghị định này cho thời gian hoạt động còn lại.

Nhà nước không hoàn trả các khoản thuế và các nghĩa vụ đóng góp khác mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành quy định ưu đãi, hỗ trợ cao hơn so với ưu đãi, hỗ trợ mà nhà đầu tư đã được hưởng theo quy định tại Nghị định này thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định mới, kể từ ngày pháp luật, chính sách đó có hiệu lực. Trong trường hợp các ưu đãi, hỗ trợ đó thấp hơn thì tiếp tục được hưởng theo quy định của Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).-XB 200



Nguyễn Tấn Dũng

WWW.LuatVietnam.vn



**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM TỪ HOẠT ĐỘNG
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**
(Ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP
ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ)

A. Danh mục các hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ

I. Hoạt động xây dựng công trình

1. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung.
2. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
3. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải.
4. Xây dựng cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường.
5. Xây dựng trung tâm, trạm tìm kiếm cứu nạn; ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường; cơ sở khắc phục hậu quả môi trường sau chiến tranh.
6. Xây dựng cơ sở hỏa táng, điện táng.

II. Hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh

1. Hoạt động xử lý chất thải nguy hại; xử lý hóa chất độc hại; xử lý, cải tạo môi trường các kênh, mương, sông, hồ chứa và các khu quân sự.
2. Sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.
3. Sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường, bao gồm thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị xử lý chất thải, ứng phó, xử lý tràn dầu; thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
4. Sản xuất các sản phẩm thay thế nguyên liệu tự nhiên có lợi cho môi trường.
5. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
6. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được sử dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học để bảo vệ môi trường.
7. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) kỹ thuật xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường chiếm 25% doanh thu trở lên.
8. Chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.
9. Ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích.
10. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

11. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu, xử lý chất thải, dự án chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải.

B. Danh mục các hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ

I. Hoạt động xây dựng công trình

1. Xây dựng trạm quan trắc môi trường.
2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp làng nghề.
3. Xây dựng cơ sở công nghiệp môi trường, cơ sở sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác phục vụ lợi ích công về bảo vệ môi trường.

4. Xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.

II. Hoạt động nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh

1. Hoạt động xử lý chất thải thông thường.
2. Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
3. Nghiên cứu xử lý chất thải, chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.
4. Xử lý sự cố tràn dầu, khắc phục sự cố sạt lở núi, sạt lở đê, bờ sông, bờ biển và các sự cố môi trường khác.
5. Áp dụng công nghệ giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ozon.
6. Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải.

C. Danh mục các sản phẩm được ưu đãi, hỗ trợ

1. Sản phẩm thân thiện với môi trường, bao gồm:
 - a) Sản phẩm sau khi thải bỏ dễ phân huỷ trong tự nhiên;
 - b) Sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường được sản xuất để thay thế nguyên liệu tự nhiên;
 - c) Sản phẩm được cấp nhãn sinh thái của tổ chức được Nhà nước công nhận.
2. Các sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải.
3. Sản phẩm thay thế nguyên liệu tự nhiên có lợi cho môi trường.
4. Năng lượng thu được từ việc tiêu hủy chất thải./.